

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển nghĩa**  
**Tập 397**

**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**

**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**

**Biên tập: Nguyên Tâm**

**Thời gian: 05.05.2011**

**Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải” trang 494, bắt đầu xem hàng thứ tư từ dưới lên, chữ cuối cùng.

Khi đại sư Huệ Năng còn chưa xuống tóc, chỉ là một người làm việc nặng nhọc trong chùa. Nhưng ngài vừa phát tâm này, liền đón chứng địa vị tổ sư. Như trong Bồ Đề Tâm Luận nói: nếu tu chứng xuất hiện, sẽ làm đạo sư của tất cả trời người. Chưa rời khỏi tòa, nhưng đã viên thành tất cả Phật sự. Hoàng Niệm Tổ đưa ví dụ về lục tổ Huệ Năng để làm chứng minh. Do đây mà biết, buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước tức là chân thật phát tâm bồ đề. Tâm này vừa phát thì phàm phu liền trở thành Phật, vì sao? Ngài đã buông bỏ.

Phật là bản lai Phật, vốn đã là Phật. Chúng ta chính là vì khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước chướng ngại. Phật vốn không mất đi, là Phật thật không phải Phật giả, sự lý này cần phải rõ ràng minh bạch, khẳng định mình vốn là Phật nhưng vì có chướng ngại, đây gọi là mê chướng. Phật không mất đi, đích thực vốn là Phật. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói, do vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc. Vọng tưởng chính là khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, chúng ta biến thành phàm phu, chúng ta buông bỏ hết những điều này liền được thành Phật.

Ngài Huệ Năng trong hội của Ngũ Tổ nhất thời đón xả nên liền đón ngộ, đón chứng. Ngài khai ngộ chứng được quả vị, hoàn toàn tương đồng với những gì Đức Thế Tôn chứng được dưới cây bồ đề, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Thế nên tâm này vừa phát, một người làm việc nặng trong chùa\_Bây giờ chúng ta gọi là làm công quả\_tâm này vừa phát lập tức thành Phật. Điều này lấy trong Bồ Đề Tâm Luận, đoạn này ở trước chúng ta đã đề cập đến. “Tu chứng xuất hiện”, tu\_Ý của chữ tu này chính là chuyển đổi, ý niệm vừa chuyển, đây gọi là tu, ngài liền có thể chứng được. Xuất hiện điều gì?

Tâm bồ đề xuất hiện, chân tâm xuất hiện, ngài liền có thể làm đạo sư của tất cả trời người.

“Bát khởi u toạ” là nói ngài nhanh chóng có thể thành tựu tất cả Phật sự, Phật sự này chính là đại sự giáo hóa chúng sanh. Sau khi Đức Thế Tôn khai ngộ, ngài dạy học suốt một đời, nên dạy học là Phật sự, làm tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh, tấm gương như thế nào? Tấm gương giác ngộ, không phải gương mê hoặc, gương giác ngộ là Phật sự, đây là đưa ra một chứng cứ rất tốt.

“Bồ đề tâm, hồi xuất phàm tình”, hồi là xa, siêu việt, vượt xa khỏi phàm tình. “Công dụng nan tư”, công đức và tác dụng của nó thật không thể nghĩ bàn. Tâm tánh như vậy, gọi là pháp thân, hay nói cách khác tâm bồ đề hiện tiền, chính là chứng được pháp thân. Đại sư Huệ Năng là pháp thân đại sĩ, pháp thân đại sĩ chính là Phật. Thế nên “thị Phật đạo chi bản thể, danh vị bồ đề” đem thể của bồ đề, danh xưng của bồ đề nói ra, đây là pháp thân bồ đề. Bên dưới nói về báo thân.

Pháp thân vốn đầy đủ chính là tánh đức, không phải do tu thành, là tánh đức. “Tu đức hữu công, tánh đức phương hiển”, nên nhớ tu đức chính là buông bỏ nghiệp chướng chứ không có gì khác, tất cả đều đang buông bỏ, buông bỏ tánh đức liền hiện tiền. Nếu tu đủ vạn hạnh, công đức trang nghiêm, chứng được quả vị báo thân Phật. Tánh đức hiển lộ còn cần tu nữa chăng? Cần phải tu, ý nghĩa của tu là gì? Tu là làm gương cho người khác noi theo. Nếu không tu mà thành Phật, mọi người nghĩ quý vị không tu, tôi cũng có thể không tu, như vậy tôi cũng có thể thành Phật, nếu không quý vị thử xem.

Đức Thế Tôn đại triệt đại ngộ, ngài nói pháp môn Tứ Diệu Đế cho năm anh em Kiều Trần Như trong vườn Lộc Uyển\_Pháp tiểu thừa, pháp thiên nhân, mà còn làm ra tấm gương của tiểu thừa. Một tỳ kheo của tiểu thừa, mỗi ngày đi khát thực, đi hành hóa, trì giới, tu định, giảng kinh, giáo hóa, làm ra tấm gương như vậy, oai nghi hữu tác, làm tấm gương tốt cho mọi người.

Công đức trang nghiêm, chứng được quả vị báo thân Phật. Báo thân viên minh cụ đức, thông đạt vô ngại. Viên là viên mãn, minh là quang minh, đầy đủ vạn đức vạn năng. Thông đạt vô ngại là lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, đây gọi là “Viên thông vô ngại”, gọi là “báo thân bồ đề”, đây là loại thứ hai. Loại thứ ba là từ báo thân xuất hiện hóa thân, đây là biến hóa. “Tùy cơ hóa hiện, diệu dụng vô cùng”, tác dụng này là đối với chúng sanh, vô lượng vô biên chúng sanh có duyên trong mười phương thế giới.

Trong kinh Phật thường nói, Phật không độ người vô duyên. Họ không có duyên với quý vị thì quý vị không sao độ được họ, vì sao? Quý vị độ họ nhưng họ không tin quý vị, như thế nào gọi là có duyên? Họ tin quý vị, họ nghe lời quý vị, đây gọi là có duyên. Dù quý vị có cao minh đến đâu, họ cũng không tin tưởng, không nghe lời quý vị. Quý vị dạy như thế nào đều vô dụng, đó gọi là vô duyên.

Chúng sanh có duyên, đây là từ trong vô lượng kiếp, bất luận là có thiện duyên hay có ác duyên với quý vị, chỉ cần là có duyên, họ sẽ nghe quý vị. Khi duyên thành thực, họ sẽ nhiệt tâm đến học tập với quý vị, trong một đời họ có thể thành tựu. Duyên không thành thực, phải đợi chờ từ từ, phải giáo hóa chúng. Đời này duyên chưa thành thực, dạy học một chút, đời sau gặp lại dạy họ thêm một chút. Phật độ chúng sanh không phải một đời thành tựu, đời đời kiếp kiếp giúp chúng sanh, từ từ đời họ thành tựu. Thành tựu chính là dùng pháp môn này giúp họ vãng sanh, họ sẽ thành tựu viên mãn. Hay nói cách khác, tất cả người học Phật gặp được Tịnh độ, tin thật, nguyện thiết, chúng ta sẽ hiểu, đây gọi là gì? Nhân duyên này đã hoàn toàn thành thực, đời này chắc chắn họ sẽ thành Phật.

Nếu gặp được Tịnh độ mà còn có một chút hoài nghi, không thể tin tưởng hoàn toàn, còn muốn học cái này cái kia, đó chính là duyên của họ chưa thành thực. Đời này không thể vãng sanh, đợi tiếp đời sau kiếp sau, điều này hiện nay chúng ta đều nhìn thấy được. Vừa thấy liền thấu hiểu được họ có duyên hay không, duyên của họ có thành thực hay không, tất cả đều phải giúp đỡ. Người không có duyên, phải kết duyên với họ, kết duyên đời sau sẽ có duyên, do đó chúng ta kết duyên không thể không rộng, không thể không làm. Niệm một câu A Di Đà Phật họ đã nghe được, đây đều là kết duyên với họ.

Trên người chúng ta đeo một xâu chuỗi, họ vừa nhìn thấy liền biết đây là Phật, cũng đã kết duyên. Luôn muốn họ tiếp xúc với chúng ta, khiến trong lòng họ hữu ý hay vô ý đều có một chữ Phật để trong lòng. Có câu, những gì đã nghe được vĩnh viễn trở thành chủng tử của đạo. Họ nhìn thấy, mắt đã nhìn thấy thì vĩnh viễn trở thành hạt giống bồ đề, đây là chủng tử Phật trong A lại da thức. Đặc biệt là đã trồng được chủng tử của Phật A Di Đà, như vậy mới có thể giáo hóa chúng sanh.

“Có viết ích vật”, ích là lợi ích. Không nói người, họ nói vật\_Vật, mười pháp giới đã bao hàm tất cả. Nếu nói người, chỉ có nhân pháp giới, không bao gồm các thế giới khác. Viên mãn thông đạt, đây gọi là hóa thân bồ tát. Do đây

mà biết, hóa thân Bồ Tát là tha thọ dụng, báo thân Bồ Tát là tự thọ dụng. Chính mình thật sự làm được lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, viên mãn trí tuệ của chính mình, viên mãn đức tướng của chính mình, đây thuộc về báo thân.

“Đệ tam, hiển phát tâm hữu dị”, dị là không giống nhau, phát tâm có khác nhau. “Kim vị hành giả”, hành giả chính là người học Phật, người tu hành. “Tu nhân phát tâm cụ kỳ tam chủng”, ba loại này ở sau Hoàng Niệm Lão cũng có giải thích.

“Nhất giả, yếu tu thức đạt hữu vô, từng bốn dĩ lai tự tánh thanh tịnh”, đây là điều kiện đầu tiên, nhất định phải nhận thức hữu và vô, điều gì là hữu (có)? Tự tánh thanh tịnh tâm chắc chắn có, ngoài tự tánh thanh tịnh tâm ra, nhất định là không. Trong kinh đại thừa nói: Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, tướng này không phải thật. Ý nghĩa quan trọng ở đây là dạy chúng ta, quý vị phải nắm chắc “hữu”, phải buông bỏ “vô”, không buông bỏ được vô, như vậy sẽ chứng ngại tự tánh thanh tịnh tâm của quý vị, quý vị vĩnh viễn không thể kiến tánh.

“Đệ nhị, duyên tu vạn hạnh, bát vạn tứ thiên chư ba la mật môn đẳng”, tôi thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, phải như thế nào? Phải viên tu, nhất tu nhất thiết tu, nhất thiết tu nhất tu. “Tam giả, đại từ bi vi bốn, hằng nghĩ vạn độ vi hoài”, nhất định phải nuôi dưỡng tâm từ bi của chính mình, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, không thể để quên ý niệm này. Niệm niệm vì thương yêu chúng sanh, đây là hằng nghĩ. Giúp chúng sanh, đặc biệt là giúp chúng sanh nhận thức về Tịnh độ, giúp chúng sanh nhất tâm chuyên niệm, giúp chúng sanh vãng sanh thành Phật ngay trong đời này.

Ba nhân này có thể tương ứng với đại bồ đề, nên gọi là phát tâm bồ đề, phát tâm bồ đề chắc chắn là như vậy. Căn cứ theo Tịnh Độ Luận, tức là trong Vãng Sanh Luận nói: Nay phát tâm bồ đề, chính là tâm nguyện làm Phật. Phát tâm bồ đề không phải gì khác, chính là đồng ý làm Phật. Tâm nguyện làm Phật, tức là tâm độ chúng sanh. Tâm độ chúng sanh, tức là tâm nhiếp độ chúng sanh sanh vào cõi nước có Phật. Hôm nay mặc dù đã nguyện sanh Tịnh độ, nhưng trước tiên cần phải phát tâm bồ đề. Ở sau là giải thích của Hoàng Niệm Tổ.

Giải thích nói, phát tâm có hai loại khác nhau. Trên thực tế điều này ở trước đã giải thích, có hai loại. Thứ nhất, khi hành giả ở nơi nhân địa, chúng ta hiện nay đều ở tại nhân địa, chúng ta chưa chứng quả, đều ở nơi nhân địa. Phát đầy đủ ba loại tâm này, thứ nhất, phải nhận thức có không, và thấu triệt

tự tánh thanh tịnh xưa nay. Tự tánh thanh tịnh ở trước có chú thích, tự tánh vốn thanh tịnh. Đối với việc nhận thức thấu triệt có và không, thực tế là pháp môn nhập đạo của ngộ tâm. Mấu chốt là đây, vô cùng quan trọng, quý vị phải nhận thức, phải thông đạt, phải thấu triệt cái gì là có, cái gì là không, phải hiểu rõ điều này.

“Vô giả, tức, Tâm Kinh trung. Tùng vô nhân nhĩ, nãi chí vô trí diệc vô đắc, nhất liên quán thông chi vô tự dã” trong Kinh Bát Nhã nói rất rõ ràng, mọi người đều đọc rất quen thuộc. Vô nhân nhĩ tử thiết thân ý, vô sắc thân hương vị xúc pháp, vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới. Đây chính là thập bát giới, sáu căn, sáu trần, sáu thức đều vô. Cho đến sau cùng nói, vô trí diệc vô đắc (không có trí cũng không có sở đắc), điều này phải biết như thế nào là vô.

“Hựu tức Đại Niết Bàn Kinh vân, như thị nghịch thuận nhập siêu thiên dĩ. Phật cáo đại chúng, ngã dĩ Phật nhãn biến quán tam giới nhất thiết chư pháp, vô minh bốn tế tánh bốn giải thoát. Ư thập phương cầu, liễu bất năng đắc, căn bản vô cố. Sở nhân chi diệp giai tất giải thoát. Vô minh giải thoát cố, nãi chí lão tử giai đắc giải thoát”. Đây là đưa ra ví dụ để nói với chúng ta rằng, trong kinh nói, từ “phục cáo đại chúng” (lại nói với đại chúng rằng). Đây là Phật Thích Ca nói: Tôi lấy mắt của Phật để quan sát tất cả pháp trong tam giới\_Tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới. “Vô minh bốn tế” bốn tế chính là bốn thể. “Tánh bốn giải thoát”, quý vị thấy tự tánh của tất cả pháp\_Tự tánh tất cả pháp chắc chắn không có tập khí phiền não, không có những thứ này. Ở đây quý vị tìm không thấy cái ngã, ngã còn không có thì làm gì có ngã sở? Tôi sở hữu đương nhiên sẽ không còn, đây là gì? Nó vốn là giải thoát. Mong cầu những gì trong mười phương, liễu bất khả đắc, vì sao? Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn như bọt nước, thật là liễu bất khả đắc. Thế nên Đức Phật nói thật với chúng ta, như thế nào là nói thật? Căn bản vô cố. Căn bản vô, giống như gốc cây vậy\_gốc, gốc rễ không có, làm gì có cành lá? Điều này, chúng ta nhìn lại tường tận sở học trước đây của mình.

Trong Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền thủ quốc sư, sẽ minh bạch. Quý vị xem trong Hoàn Nguyên Quán nói, nguyên khởi vũ trụ là gì? Tôi từ đâu đến? Trước là hiển nhất thể, khởi nhị dụng. Nhất thể là căn bản, căn bản là gì? Tự tánh thanh tịnh viên minh thể, điều này có, có thật. Tuy có thật, nhưng nó không phải hiện tượng vật chất, nó cũng không phải hiện tượng tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Nó không có hiện tượng nhưng nó có thật, đó chính là chân như, chính là tự tánh. Vì không

có hiện tượng nên Đức Phật gọi nó là không. Không không phải là vô, không là có, thật có, vì sao? Nó có thể sanh hiện tượng. Nó có thể sanh ra hiện tượng tự nhiên, có thể sanh ra hiện tượng tinh thần, có thể sanh ra hiện tượng vật chất. Nó có thể sanh ra hiện tượng, rất kỳ lạ.

Nhưng có thể sanh ra những hiện tượng này là huyền tướng. Quý vị nên biết năng sanh hiện tượng không phải thật. Bản thể là chân hữu, hữu là không, hữu nó có tất cả, nó có thật, tồn tại thật. Hư không đều là nó biến hiện ra, hư không không phải thật, là do nó biến ra. Như chúng ta nằm mộng vậy, trong mộng có hư không, tỉnh dậy hư không không còn.

Ngày nay trong hư không này, khi nào chúng ta giác ngộ, vượt ra khỏi luân hồi lục đạo, thì hư không này không thấy nữa. Nó không phải thật, thật là tự tánh. Thế nên từ nhất thể\_nhất thể là không tịch, khởi lên hai loại hiện tượng\_Khởi nhị dụng. Một cái là vũ trụ xuất hiện\_Y báo, thứ hai là bản ngã xuất hiện\_Chánh báo. Đây là hai loại tác dụng: chánh báo và y báo xuất hiện, là do biến hiện ra. Trong kinh đại thừa Đức Phật thường nói: một niệm không giác nên có vô minh, đây là một niệm không giác mà xuất hiện hiện tượng. Như chúng ta nằm mộng vậy, mộng chính là nhất niệm bất giác\_đang nằm mộng.

Hiện tượng này vừa khởi lên, hiện tượng có ba đặc điểm. Thứ nhất là chu biến pháp giới, chúng ta không thể tưởng tượng được. Hiện tượng vật chất là thân thể, đây là vật chất, vật chất là hiện tượng dao động, mỗi lần dao động đều chu biến pháp giới, quý vị nói tốc độ nhanh biết bao. Hiện nói nói đến điện, quang, so với nó thì kém xa, nó là lập tức chu biến pháp giới. Quang và điện tốc độ rất chậm, một giây 30 vạn cây số, từ thái dương đến địa cầu phải tám phút, thời gian rất dài. Trong tự tánh chúng ta biến hiện ra, năng lực này quá lớn, nó vừa động liền chu biến pháp giới. Người không có chướng ngại, những tin tức này họ đều nhận được\_Người không có chướng ngại. Chúng ta có nhận được chăng? Nhận được. Nhận được nhưng có chướng ngại, nhận được mà không biết, không có cảm giác, vì chúng ta là phàm phu. Chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nó làm chướng ngại linh tri của chúng ta. Tin tức trong biến pháp giới hư không giới đến nơi chúng ta không có cảm giác, ai có cảm giác? Chỉ cần người phiền não ít một chút họ sẽ cảm nhận được, nghiệp chướng nhẹ một chút. A la hán có cảm nhận được vì A la hán đã đoạn tận kiến tư phiền não. Tuy còn có trần sa và vô minh phiền não, nhưng họ có thể nhận được rất rõ ràng một vài tin tức, còn phần lớn họ không biết, chúng ta thì hoàn toàn không biết.

Bồ tát nhận được tin tức nhiều hơn A la hán, pháp thân Bồ tát nhận được là viên mãn. Cũng như ở trước nói: đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, họ có thể nhận được tin tức viên mãn trong biến pháp giới hư không giới. Trên tất cả chư Phật Như Lai, dưới là chúng sanh trong địa ngục, chúng sanh trong tam đồ, khổ của chúng sanh trong tam đồ, họ đều nhận được. Trí tuệ, thần thông, đạo lực giáo hóa chúng sanh của chư Phật Như Lai, họ đều nhận được. Hiện nay nói không trung truyền âm, chính là ý này, còn lợi hại hơn cả truyền âm.

“Vô minh giải thoát cố, nãi chí lão tử giai đắc giải thoát”, vô minh là gốc, đã giải thoát được vô minh. Giải là giải trừ, thấu triệt được vô minh. Thoát là thoát ly, thoát ly điều gì? Thoát ly vô minh, đây chính là không tồn tại 12 nhân duyên. Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, cho đến lão tử, tất cả đều giải thoát. Người này đã chứng pháp thân, đã thành Phật. Vì nhân duyên này mà hôm nay tôi an trú ở trong thường tịch quang, chúng ta gọi nó là thường tịch quang, còn gọi là đại niết bàn.

“Thử nãi Thế Tôn, tối hậu từ bi vi thiết chi thù thị”, thị hiện rất vi diệu, khả thiết. Thị chính là làm gương tốt cho chúng ta. Cũng như Vĩnh Minh đại sư từ vô lượng kiếp, lột da làm giấy, lóc xương làm viết, lấy máu làm mực viết kinh này để báo từ ân. Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ là tổ sư đời thứ sáu của Tịnh độ tông, ngài đã phát nguyện như vậy. Viết bốn câu kệ của Đức Thế Tôn ra và truyền mãi về sau, vì sao? Vì để báo ân Phật. Mấy câu này nói trong Đại Niết Bàn Kinh.

Căn bản đều là vô, nên nhân của cảnh lá đều được giải thoát. Vô minh giải thoát, cho đến lão tử cũng đều được giải thoát. Chỉ mấy câu đơn giản, đã giải quyết được tất cả vấn đề, quan trọng nhất là những khai thị này. Đức Phật từ bi, phát nguyện lột da làm giấy, róc xương làm viết. Dùng xương của mình làm viết, dùng máu làm mực để viết kinh này. “U vô lượng kiếp”, hiện nay không cần viết, hiện nay có in ấn, có thể in ấn số lượng lớn. Còn lúc đó phải viết từng trang, viết bao lâu? Viết vô lượng kiếp. Quý vị xem, phát tâm lớn như vậy, đây là hạng người nào? Tri ân báo ân. Người không biết sẽ không làm điều này, người biết sẽ làm điều này. Hiểu được câu kinh văn này rất tốt, mọi người vừa xem đã khai ngộ, tức là sao? Thật sự có thể nhận thức cái gì là có, cái gì là không.

Ở sau là nói ra yếu nghĩa của bốn câu này. Vô minh không có thì làm gì có cảnh lá? Vô minh là căn bản vô minh, cảnh lá là gì? Kiến tư phiền não, trần

sa phiền não và tập khí phiền não, đây là cành lá. Từ căn bản vô minh hiển lộ ra trần sa phiền não, do trần sa phiền não lại hiển lộ ra kiến tư phiền não. Vô minh là gốc, là căn bản, trần sa phiền não là cành, kiến tư phiền não là lá. Tôi nói như vậy mọi người sẽ dễ hiểu hơn, dùng cây để làm ví dụ. Gốc không có, làm gì có cành lá? Ở đây đoạn phiền não rất nhanh. Vì sao ngài Huệ Năng nghe khai thị hai tiếng đồng hồ liền đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, như vậy là sao? Ngài biết rõ, vốn không có căn bản vô minh nên đoạn hết tất cả, không còn việc gì cả, không cần từ từ đoạn cành lá. Hiện nay chúng ta làm như vậy, chính là đoạn dần dần từ cành lá, vì sao? Không thể đoạn ngay lập tức. Không thể nào đoạn từ cành lá, biện pháp vô cùng ngu ngốc, đoạn từ căn bản là biện pháp thông minh nhất. Hàng thượng thượng căn hạ thủ từ căn bản, hàng hạ hạ căn hạ thủ từ cành lá, đạo lý chính là ở đây. Khi chúng ta từ từ đoạn từ cành lá trước, sẽ có một ngày bạt tận gốc rễ trong chốc lát.

Vì sao? Thật sự đã giác ngộ, thật sự đã minh bạch, vì sao không đoạn được? Còn hoài nghi, còn cho rằng có thật, không có gì khác, chính là vì điều này. Điều này trước đây Chương Gia đại sư dạy cho tôi, quý vị cho rằng mình đã minh bạch, chưa! Như thế nào mới thật sự thấu triệt? Người thật sự buông bỏ mới thấu hiểu thật sự, không thật sự buông bỏ, nghe nhiều cũng biết nói, nhưng thực tế chưa minh bạch. Điều này trước đây Chương Gia đại sư thường nói với tôi: Khó hiểu dễ hành, Phật pháp là khó hiểu dễ hành.

Đức Thế Tôn thuyết pháp 49 năm, khó biết. Hành, như Ngài Huệ Năng vậy, quý vị thấy dễ biết bao. Buông bỏ trong chốc lát, lập tức trở lại hoàn nguyên, vọng tận chính là hoàn nguyên. Nên ba đoạn trước của Hoàn Nguyên Quán\_Nó tất cả có sáu đoạn\_Ba đoạn trước dạy chúng ta nhận thức chân vọng. Cái gì là chân, cái gì là vọng, quý vị phải nhận thức. Hai đoạn sau chính là nhìn thấu buông bỏ, đoạn thứ tư\_ở giữa là nói về giáo hóa chúng sanh, quý vị phải phát đại từ đại bi. Tuy quý vị thật sự nhìn thấu buông bỏ, nhưng có cần quên chúng sanh chẳng. Phải quan tâm nhiều đến những chúng sanh đau khổ, nên dạy quý vị tùy duyên diệu dụng\_hàng thuận chúng sanh, tùy duyên diệu dụng\_đừng chấp tướng. Oai nghi hữu tác, lúc nào cũng làm tấm gương tốt cho chúng sanh.

Thứ ba là một thái độ tốt, đặc biệt nhắc nhở chúng ta nhu hòa chất trực, phải khách khí, nhu hòa với người. Trong tâm phải chân thành, chất trực là chân thành. Câu sau cùng là chư Phật chịu khổ thay chúng sanh, không nên thấy chúng sanh không quan tâm mà bỏ đi, như vậy là không có tâm từ bi. Chúng sanh khổ, phải giúp đỡ họ, phải cứu họ. Chúng sanh có sanh tử, như

thế nào gọi là có sanh tử? Họ cho rằng có sanh tử, nên thật sự có sanh tử. Quý vị đã liễu thoát sanh tử, không có sanh tử. Người không có sanh tử, giúp người có sanh tử, dễ! Có sanh tử giúp người có sanh tử rất khó, họ phải lo cho mạng của mình. Không thể nói vì sanh tử của quý vị mà hy sinh chính tôi, họ nghĩ như vậy là họ có sanh tử. Bồ tát không có sanh tử, chúng sanh có mạng, Bồ Tát không có mạng nên họ giúp chúng sanh được đại tự tại.

“Đạt vọng bốn không”, vọng là hư vọng, mười pháp giới y chánh trang nghiêm vốn là không. “Chân tánh tự hiển”, chỉ cần thông đạt, có chính là không. Hiện nay nói như vậy, các nhà khoa học lãnh ngộ sâu hơn chúng ta, vì sao? Các nhà khoa học biết, các nhà khoa học chứng minh, tất cả hiện tượng vật chất đều là giả. Nên trong kinh Đức Phật nói câu này, “đạt vọng bốn không”, các nhà khoa học nhất định gặt đầu, nhất định vỗ tay, vì sao? Họ đã chứng minh không có vật chất, vật chất là gì? Huyền tướng do ý niệm tích lũy, rất nhiều ý niệm tập trung lại một nơi, sinh ra huyền tướng này. Vật chất sai biệt rất lớn, hiện tượng này sanh ra như thế nào? Họ nói tàn suất bất đồng. Tàn suất chậm biến thành vật thể rất rắn chắc, tàn suất nhanh nó sẽ mềm xốp, tàn suất nhanh hơn nữa sẽ biến thành quang, biến thành điện, biến thành lưu động, nhưng đích thực tất cả đều là ý niệm. Đây chính là trong Kinh đại thừa Đức Phật thường nói: Tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Trong tâm quý vị không có tướng, tất cả pháp hoàn toàn không có.

Người thế gian cũng nói, chúng ta nằm mộng, mộng là ý thức, ý niệm sanh ra nên nói hạ ý thức. Khi quý vị ngủ không thể khống chế, hạ ý thức biến hiện thành cảnh giới trong mộng, cảnh giới trong mộng cũng là tâm tướng sanh. Khi tỉnh lại mộng không còn nữa, tỉnh lại là giác ngộ, cũng chính là ý niệm của quý vị đã hồi phục bình thường, cùng một đạo lý. Ý nghĩa quan trọng nhất trong Hoàn Nguyên Quán chính, là dạy chúng ta thật sự nhận thức toàn thể vũ trụ với chính mình là nhất thể, tất cả Chư Phật với chúng ta là nhất thể, tất cả chúng sanh với mình là nhất thể. Tất cả cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa với mình là nhất thể. Nhận thức này quan trọng hơn bất cứ điều gì, nhận thức này nếu dùng cách nói của thế tục để nói, đó là thiên hạ thái bình, thế giới đại đồng, ai không thương chính mình?

Biến pháp giới hư không giới là chính mình, đây gọi là gì? Pháp thân. Thật sự là tôi, tôi là gì? Vạn sự vạn vật trong biến pháp giới hư không giới chính là tôi, như thân người này của chúng ta. Đây là tay của tôi, tay trái của tôi, đây là tay phải của tôi. Đây là ngón tay của tôi, đây là móng tay của tôi. Đây là ngũ quan, lục phủ trên thân tôi, đều là tôi. Mà không biết toàn thể hư

không, toàn thể pháp giới là tôi, không biết những thứ này là tôi. Hoàn Nguyên Quán dạy chúng ta nhận thức và tìm lại chính mình, hoàn toàn buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước của chính mình. Vọng tưởng phân biệt chấp trước là chướng ngại, khiến quý vị hoàn toàn thấu triệt được chân tướng. Buông bỏ liền minh bạch chân tướng, tất cả đều minh bạch, hóa giải được tất cả vấn đề. Khi không biết, thì có vấn đề này, vấn đề kia. Khi biết rồi, tất cả vấn đề đều không có.

“Thử tức tri vô chi yếu nghĩa”, chính là không biết ý nghĩa quan trọng, không biết yếu nghĩa. “Chí u tri hữu, tông môn thường viết”, Thiên tông thường nói: “Tất tu tri hữu thí đắc”, trong tri tánh vốn không, trong tri tướng vốn có, trong tướng có tánh, trong tánh có tướng. Lại trong Tâm Vương Danh của Phó Đại Sĩ nói: trong nước có vị muối, có chãng? Nước là mặn, nước của biển có vị mặn. Trong sắc có chất dính màu xanh, chắc chắn có nhưng không thấy hình dáng của nó. Quý vị không nhìn thấy, không thấy được vị của muối. Không nhìn thấy chất dán xanh trong sắc, nhưng nó chắc chắn có, không thấy hình thù của nó.

“Tâm vương diệc nhĩ, thân nội cư đình”, thân là hữu, là sắc. Trong thân này có tâm, tâm chính là tâm tánh, có tánh. Chắc chắn có tánh, dừng ở trong thân. Nó ở đâu? Nó dừng ở đâu? Trong mỗi tế bào đều có, tế bào rất lớn. Ở trước Hoàng Niệm Tổ dẫn dụng, các nhà khoa học cận đại phát hiện trung vi tử, cũng gọi là lượng tử, cũng có thể là cực vi chi vi mà Đức Phật nói. Vật chất nhỏ nhất, không thể phân thêm nữa, phân nữa là không còn, cực kỳ vi tế. Tiểu vi tử này\_Trung vi tử, tiểu vi tử này lớn chừng nào? 100 ức cái tổ hợp thành, 100 ức cái tập hợp lại một nơi tổ hợp thành một điện tử, điện tử mắt thịt chúng ta không nhìn thấy được. Chúng ta nhìn thấy các nhà khoa học vẽ bức tranh đó.

Nguyên tử nó như thế nào? Trong đó có một hạt nhân nguyên tử, bên cạnh có mấy nguyên tử xoay chuyển quanh nó, giống như hệ thái dương vậy, chính là tiểu điện tử. Tiểu điện tử đó\_phân một điện tử ra là 100 ức tiểu vi tử, một tiểu vi tử đó đầy đủ sắc thọ tướng hành thức. Tiểu vi tử này, quý vị nhìn thấy được là vật chất của nó, nhưng không nhìn thấy thọ tướng hành thức, vì nó không phải sắc pháp nên không nhìn thấy nó, nhưng chắc chắn có. Tiến sĩ Giang Bôn thực nghiệm nước, nước quý vị nhìn thấy là vật chất. Nước biết nghe, biết nhìn, hiểu được ý của người nhưng cái quý vị không nhìn thấy được, nhất định có. Thông qua thực nghiệm, thật sự phát hiện nó có, có đó là gì? Đó là tánh đức.

Trong tự tánh không gọi là thọ tướng hành thức, danh từ Phật giáo gọi là kiến văn giác tri, trong vật chất gọi nó là thọ tướng hành thức. Nó có cảm thọ, chúng ta nói nó là sống, nó không phải chết. Nó có thọ, nó có tướng, cũng chính là nói nó có phân biệt chấp trước. Quý vị xem, quý vị dùng thiện ý đối đãi nó, nó hồi báo là rất đẹp. Quý vị dùng ác ý đối đãi, nó hồi báo là rất xấu xa. Nó có phân biệt, nó có chấp trước. Phân biệt chấp trước này không có hình dáng nên quý vị không nhìn thấy, nhưng chắc chắn có. Trong vật chất nhất định có tinh thần, trong tinh thần chắc chắn có vật chất, đây gọi là biết hữu và vô.

“Tâm vương diệc nhĩ”, tâm vương là hiện tượng tinh thần, không phải hiện tượng vật chất, nó ở trong nhục thể, thân nội cư đình, diện môn xuất nhập. “Ứng vật tùy tình, tự tại vô ngại, sở tác giai thành”, đây là nói tâm vương, chính là hiện tượng tinh thần\_Thọ tướng hành thức, kiến văn giác tri. Nó có thật trong thân thể chúng ta nhưng quý vị không nhìn thấy, không nghe thấy. Năm căn nhãn nhĩ tỷ thiệt thân của chúng ta đều không cách nào phát giác được, nó thật có.

“Danh trung dĩ thí dụ, minh đương nhân các các tự hữu tâm vương”. Chắc chắn là có, nên vật tùy tình cảm mà phát huy diệu dụng, nhưng không thấy được hình tướng của nó. Quý vị xem, thuận theo ý mình thì rất hoan hỷ, không thuận ý mình thì không vui. Nhất định có, ở đâu? Quý vị không tìm thấy. Thế nên khi chúng ta học Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, nghe những báo cáo thực nghiệm này của các nhà khoa học, chúng ta biết trong mỗi trung vi tử đều có, thật không thể nghĩ bàn. Nó thật sự có thể phát huy diệu dụng, quý vị phải giác, phải giác điều gì? Những hiện tượng này toàn là huyền tướng, những huyền tướng này, toàn là tác dụng khi tự tánh mê, khi giác gọi là diệu dụng. Diệu dụng là gì? Diệu dụng là như như bất động, sanh ra trí tuệ, sanh ra đức tướng. Họ sẽ không sanh phiền não, không có thất tình ngũ dục, họ có trí tuệ đức tướng, vô lượng tướng hảo trang nghiêm. Ai đại biểu? Phật Bồ Tát đại biểu. Phát huy diệu dụng mà không thấy hình dáng của nó.

**Trong Kinh Niết Bàn nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Người biết có, tức biết có Phật tánh này, người biết hữu là biết có tự tánh. Gọi là Phật tánh là từ trong giác tánh của tự tánh mà nói, vì Phật có nghĩa là giác. Pháp tánh phạm vi rộng hơn Phật tánh, pháp tánh bao hàm tất cả. Phật tánh là một phần trong pháp tánh\_Giác\_chân hữu!** Trong nhục thể của chúng ta có, trong vạn vật có, trong cây cỏ hoa lá có, mỗi hạt vi trần trong sơn hà đại địa đều có. Thế nên chúng ta khẳng định câu nói này, biến pháp giới hư không giới là một

thể hữu cơ, nó là sống. Không có trong một vật nào nói là không có pháp tánh, đó là điều không thể. Tất cả mọi hiện tượng đều là pháp tánh biến hiện ra, không có tánh làm sao có tướng?

Hư không là tướng, có hư không chẳng? Có. Nếu không có hư không, nó không thể truyền bá tin tức. Trong ba loại chu biến, chu biến pháp giới nói không thông suốt. Có thể truyền bá tin tức thì nó đương nhiên có, sao có thể nói nó không có? Các nhà khoa học nói, vi trung tử có thể xuyên suốt, đó là một sát na. Có thể xuyên suốt cảnh giới như thế nào? Trong báo cáo nói, một trung vi tử có năng lực xuyên suốt tâm gang mười ức cây số\_Tâm gang mười ức cây số, địa cầu chúng ta không có\_Địa cầu đại khái chỉ có, đường kính của nó, điều này tôi không nhớ nữa. Điều này trước đây khi học vật lý có, đại khái không đến một vạn cây số\_trục của địa cầu từ nam tới bắc. Tôi nghĩ không đến một vạn cây số, vì chúng ta từ Trung Quốc bay đến Mỹ vừa đúng một vạn cây số, chính là thái bình dương.

Thái bình dương từ Trung Quốc đến Mỹ là một vạn cây số, vậy mà ở đây nói mười ức cây số, bao nhiêu cái địa cầu! Trong một sát na nó liền xuyên suốt, đây là các nhà vật lý học nói với chúng ta, về chân tướng sự thật này. Trong hiện tượng vật chất có tồn tại hiện tượng tinh thần, chính là tướng trong có tánh, có pháp tánh, tánh trong có tướng. Tánh tướng không hai, tánh tướng nhất như, gọi là thông đạt hữu vô.

Chúng ta biết có Phật tánh\_Thân thể này của chúng ta có Phật tánh, đương nhiên có thể thành Phật. Chỉ cần buông bỏ những chướng ngại của tâm tánh, những thứ này cũng là vô hình. Kiến tư phiền não là vô hình, trần sa phiền não cũng là vô hình, vô minh phiền não càng là vô hình, khởi tâm động niệm càng vô hình. Chỉ cần buông bỏ tất cả những thứ này, quý vị liền minh tâm kiến tánh, chân tướng rõ ràng.

Trong Tâm Đẳng Lục nói, sở dĩ cổ đức đều muốn người biết hữu, nếu không biết hữu luôn là hư vọng. Ở trên giải thích, biết vô và biết có, là nhận thức rõ hữu vô. Quý vị thật sự nhận thức, thật sự thông đạt hữu là gì, vô là gì. “Hữu thức đạt, vị thức tâm đạt bản”, thức đạt cũng có thể nói như vậy. Thấu triệt xưa nay tự tánh vốn thanh tịnh, chính là câu đầu tiên ngài Huệ Năng nói khi kiến tánh. Tự tánh của chúng ta vốn thanh tịnh, hiện nay vẫn thanh tịnh, vĩnh viễn thanh tịnh, nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, không có nhiễm ô. Điều này tương đương với trực tâm trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, giải thích

rất hay, giải thích rõ ràng. Trục tâm là tâm bồ đề, chính là chân tâm\_Bản thể của tâm bồ đề chính là chân tâm, chân tâm chính là tự tánh thanh tịnh.

“Trục tâm giả, chánh niệm chân như pháp dã”, niệm ở đây không phải là khởi tâm động niệm, niệm có nghĩa là gì? Quý vị xem văn tự của Trung Quốc\_Hội ý, kim\_tâm, chính là tâm hiện tại của quý vị. Tâm hiện tại của quý vị chính là chân như, không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, đây gọi là trục tâm. Có khởi tâm động niệm chính là vọng tâm, không gọi là chân tâm, chân tâm biến thành A lại da, biến thành vọng tâm. Nhưng quý vị nên biết, gốc của vọng tâm là chân tâm, vọng tâm có nhiễm ô, chân tâm không có nhiễm ô. Thế nên nhiễm ô đó là giả, nhiễm ô không phải thật.

Chân tâm không có ý niệm, quý vị khởi ý niệm đó là giả, không phải thật. Không phải thật, nên tùy ý khởi ý niệm gì cũng không sao, quý vị đã giác ngộ thật sự, nên không sao. Không giác ngộ, nên xem ý niệm đó là thật, như vậy quả thật phiền phức, lập tức biến ra tướng. Ý niệm thiện biến thành phước báo, ý niệm ác biến thành tội báo, nó biến ngay lập tức, đây chính là loại thứ hai trong ba loại chu biến\_Xuất sanh vô tận, nó liền hiện tướng. Thiện niệm hiện thiên đường, ác niệm hiện địa ngục. Nếu thật sự biết được ý niệm thiện ác đều là giả, nó không hiện tướng. Thiện niệm không hiện thiên đường, ác niệm không hiện địa ngục, nó không hiện tướng, vì sao? Quý vị biết nó, nếu không biết nó, nó sẽ biến kịch cho quý vị xem.

Khi không nhận thức nó, thiện niệm liền biến thành thiên đường, ác niệm biến thành địa ngục, nhận thức thông đạt rất quan trọng. **Bồ tát dùng thức đạt, có thể độ hóa chúng sanh, làm chủng chủng phương tiện thiện xảo để độ hóa chúng sanh, cũng như biến ảo thuật vậy, hoàn toàn thấu triệt. Không hiểu chân tướng sự thật, như vậy thì phải nhận lấy. Nếu tu thiện quý vị được hưởng phước, tạo tội nghiệp thì đi thọ tội, quý vị phải nhận lấy, nhận lấy như vậy thật oan uổng! Thật vậy, thật oan uổng, tất cả đều không có. Toàn bộ đều là giả, không có gì là thật.**

“Nhị giả, duyên tu vạn hạnh, tương đương ư cai luận chi thâm tâm, được tu nhất thiết chư thiện hành cố”. Duyên, thông thường chúng ta gọi là điều kiện, nhân duyên, phải nắm chắc. Tu vạn hạnh, vạn hạnh quy nạp lại chính là sáu ba la mật, tu điều gì? Tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định, tinh tấn, bát nhã. Triển khai lục độ là vạn hạnh, hoặc là tu thập thiện cũng như nhau. Thập thiện chính là bố thí, thập thiện chính là trì giới, thập thiện chính là nhẫn nhục, cho đến bát nhã. Nương vào lục độ làm cương lĩnh, lấy thập thiện làm

mục tiêu. Trong bố thí có thập thiện, trong trì giới có thập thiện, cho đến trong thiên định, bát nhã đều có thập thiện, tương đương với thâm tâm trong Khởi Tín Luận. Dục chính là thích, tu nhất thiết chư hành, thích tu thiện hạnh, thích giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ.

“Tam giả, đại từ bi vi bốn, tương đương ư bi chi đại bi tâm, dục bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố”. Chúng sanh quá khổ, đặc biệt là những gì chúng ta nhìn thấy trước mắt, và những gì gặp được. Thiện Đạo đại sư thường nói, người niệm Phật với thế giới Cực Lạc, tứ độ tam bồi cửu phẩm đều do gặp duyên khác nhau. Hôm nay chúng ta gặp được nhân duyên thù thắng, vì sao? Chúng sanh quá khổ, dễ phát khởi tâm từ bi. Quý vị gặp nhân duyên này mà tâm không phát ra được, không biết nên bắt đầu từ đâu? Sau khi gặp phải giúp họ, toàn tâm toàn ý giúp họ, phải giúp tất cả chúng sanh. Không nên phân biệt, không nên chấp trước.

Trong Đệ Tử Quy nói, phàm là người đều phải thương yêu. Phật pháp đại thừa tâm lượng rộng lớn, phải yêu thương tất cả chúng sanh. Phải hiểu ý nghĩa vốn có của chúng sanh, chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi hiện tượng, gọi là chúng sanh. Tất cả pháp trong thế gian này, pháp nào không phải là chúng duyên hòa hợp? Tất cả đều là chúng duyên hòa hợp. Cây cỏ hoa lá là chúng duyên hòa hợp, sơn hà đại địa là chúng duyên hòa hợp, biến pháp giới hư không giới tất cả đều là chúng duyên hòa hợp. Đây chính là lòng thương yêu biến pháp giới, thiện ý biến pháp giới, đây là tâm gì? Tâm bồ đề viên mãn, chúng ta có thể không thể giúp đỡ ư? Làm một cách hoan hỷ. Gặp nhân duyên này nên làm, không gặp không nên đi tìm, tìm chính là phan duyên.

Gặp như thế nào? Gặp là tùy duyên, tùy duyên và phan duyên ý nghĩa khác nhau. Chúng ta đi tìm cơ duyên này gọi là phan duyên, không tìm, duyên tự đến, tự nhiên mà đến, đây là tùy duyên. Tùy duyên phải bất biến, đây chính là diệu dụng, tùy duyên tùy biến là không diệu dụng, biến là gì? Trong quý vị có tự tư tự lợi cá nhân, có danh văn lợi dưỡng xen tạp vào trong đó, như vậy là sai. Như vậy không phải đang tu Bồ Tát đạo, đó là gì? Đó là tạo nghiệp. Nhưng nếu tạo nghiệp thiện, quả báo của thiện nghiệp là ở trong phước báo nhân thiên. Nếu trong tùy duyên không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, đó gọi là công đức. Công đức này hồi hướng bồ đề, hồi hướng thực tế, hồi hướng chúng sanh, thành vô thượng đạo! Thế nên mỗi niệm không quên sự đau khổ của chúng sanh.

Là lấy ba loại phát tâm này, ba loại phát tâm này chính là tam tâm trong Khởi Tín Luận. Ba nhân này có thể tương ứng với đại bồ đề, nên biết phát tâm như vậy tức là phát tâm đại bồ đề. Phát tâm bồ đề không giống với thiện tâm mà thông thường người thế gian nói, thông thường người thế gian nói hành thiện tích đức, họ không phải là tâm bồ đề, vì sao? Họ cầu phước báo. Họ là có sở cầu, Phật pháp cũng là có sở cầu. Phật pháp cầu mà vô cầu, cầu vô sở cầu, cần phải hiểu ý nghĩa này. Khi sở cầu của Phật pháp là thật, mỗi niệm tôi muốn cầu vô thượng bồ đề, có thể cầu được chăng? Cầu không được, vì sao? Mỗi niệm muốn cầu vô thượng bồ đề, ý niệm này là vọng niệm, vọng niệm làm sao có thể cầu được chân? Chân và vọng không tương ứng, chân và chân tương ứng, cầu mà vô cầu tương ứng. Tôi cần cầu như thế chăng? Cần, vì sao cần? Làm gương cho người khác noi theo, quý vị xem cầu bồ đề rất tốt, tự mình có cầu chăng? Tự mình không có. Đây chính là biểu diễn, diễn cho người khác thấy, tiếp dẫn sơ cơ.

Phải dùng phương pháp này đưa họ vào cửa, đưa họ vào cửa rồi nói với họ là không có. Không có, không thể lập tức không có, lập tức không có họ sẽ thoái tâm, phải đến đâu? Họ thật sự giác ngộ thì ra là như vậy, bồ đề là gì? Bồ đề là quý vị vốn có, quý vị cầu ở đâu? Vốn có mà cầu chẳng phải là dư thừa ư, làm gì có đạo lý này! Đức Thế Tôn ngày ngày giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh, ngài có nói chăng? Không có nói, nói mà không nói, không nói mà nói, đây mới gọi là diệu, tuyệt diệu là đây.

Hay nói cách khác, tu bất cứ pháp môn nào đều phải giữ thanh tịnh bình đẳng giác, đó gọi là diệu dụng. Quý vị học điều này, tôi có cầu\_Tôi cầu Phật A Di Đà, tôi cầu thế giới Cực Lạc, như vậy tâm quý vị không thanh tịnh. Cầu tâm địa thanh tịnh nhưng không nhiếp chút trần, tuyệt diệu, như vậy mới cao. Trên hình thức tôi phải làm như vậy, làm như vậy chính là tự lợi lợi tha, khiến nội tâm tôi thành kính, từ trên hình tướng của tôi biểu đạt ra, khiến người khác đều nhìn thấy nên tu thành kính như thế nào. Suốt đời của Đức Thế Tôn, không phải đều là biểu diễn cho chúng ta thấy ư? Từ khi ra đời đến tám tướng thành đạo đều là tượng trưng cho chúng ta. Quý vị nói pháp đó ngài có hay không? Không thể nói ngài có, cũng không thể nói không. Quý vị nói ngài không có nhưng ngài có thật. Quý vị nói ngài có, tâm địa ngài thanh tịnh không nhiếp chút trần, căn bản không có khởi tâm động niệm, ngài có ở đâu?

Ngài lại không cần danh, lại không cần lợi. Ngài lại vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả, vậy có ở đâu? Đây chính là nhận thức hữu vô, đem nhận thức về hữu và vô này biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày, biểu hiện

trong việc xử sự tiếp nhân đái vật, diệu! Người thật sự hiểu, nhìn thấy chiêu này mới tuyệt diệu, không phải phàm phu có thể tưởng tượng được, gọi là cảnh giới không thể nghĩ bàn, chính ngay trong cuộc sống hằng ngày. Người thông thường không nhận ra được, người thấu triệt nhận ra, tuyệt diệu.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ hai. “Thứ giả dẫn Tịnh Độ Luận”, Tịnh Độ Luận chính là Vãng Sanh Luận. “Vị bồ đề tâm, tức nguyện thành Phật độ sanh”, tâm nguyện thành Phật độ chúng sanh, chính là tâm bồ đề. “Nhiếp thủ chúng sanh vãng sanh Tịnh độ chi tâm”, cũng chính là mỗi niệm hy vọng giúp tất cả chúng sanh nhận thức Tịnh độ, tin vào Tịnh độ. Nguyện vãng sanh Tịnh độ, đây là việc tốt! Tâm này hoàn toàn tương ứng với tất cả Chư Phật Như Lai, tâm của tất cả Chư Phật Như Lai đều là mỗi niệm nghĩ đến làm sao giúp đỡ họ và giáo hóa những chúng sanh này, nhận thức Tịnh độ, cầu sanh thế giới Cực Lạc. Sanh đến thế giới Cực Lạc họ liền thành Phật, đồng nghĩa với nói: Cha mẹ đối với con cái luôn hy vọng tìm ngôi trường tốt cho chúng, để chúng đi học, ở trong ngôi trường này nhất định thành danh, sẽ lấy được học vị tiến sĩ. Ngôi trường nào có bảo đảm này?

Quốc độ của chư Phật trong mười phương đều đang mở trường, chỉ có trường của Phật A Di Đà có lớp bảo đảm này. Thế nên mười phương Như Lai đều bằng lòng, đem học sinh thật sự năng tin, năng nguyện, thật sự muốn vãng sanh của họ, tất cả đều đưa đến đây học, điều này chúng ta cần phải hiểu. Chư Phật Như Lai trong mười phương, dị khẩu đồng âm tán thán Phật A Di Đà là quang trung cực tôn, Phật trung chi vương. Mười phương Như Lai giống như cha mẹ, Phật A Di Đà là thầy giáo giỏi. Đức Phật Thích Ca của chúng ta giống như cha mẹ vậy, bảo đảm đưa chúng ta đến thế giới tây phương cực Lạc, vì chúng ta mà giảng Kinh Vô Lượng Thọ. Giảng Kinh Vô Lượng Thọ, chính là nói về thế giới Cực Lạc, nói rõ ràng minh bạch. Mọi người nghe rồi đều tin nhận, muốn sanh về đó, nghe nhiều vài biến thật sự muốn đi, như vậy là đã thành công. Thật sự muốn đi, quý vị nhất định đi được. Ở đây nói với quý vị mấy nguyên tắc cần phát tâm.

Tâm này mới nhìn thì giống như dễ phát khởi hơn tâm trước, nhưng thật ra không như vậy. Thực tế mà nói thì cũng không dễ phát khởi, tâm này là gì? Nguyện thành Phật độ chúng sanh, so với ba loại tâm ở trước như tâm chân thành, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm\_Xem ra hình như dễ hơn ba tâm ở trước, nguyện thành Phật độ chúng sanh, phải nguyện thật, giả không được. Vì sao nói thực tế không như vậy? Bên dưới nói rất rõ ràng.

Pháp môn vãng sanh Tịnh độ thật là pháp khó tin, đây là thật không hề hư vọng. Tín tâm chưa sanh làm sao có thể phát? Tôi có cảm xúc rất sâu sắc đối với câu này, vì sao? Tôi là người đi trên con đường này. Tôi học Phật, nếu dùng pháp môn Tịnh độ để tiếp dẫn tôi, thì đời này không có hy vọng gì, vì sao? Không tin. Phương pháp của Phật rất nhiều, thiện xảo, xảo diệu. Tôi thích nghiên cứu kinh Phật, thích Phật nói những đạo lý này, nên rất thích kinh luận đại thừa, nhưng kêu tôi ngồi đó thật thà niệm Phật thì không niệm được. Căn tánh mỗi người không giống nhau, nên thật sự tiếp dẫn tôi nhập môn là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Những kinh luận này dẫn tôi nhập môn, tôi rất thích, rất hứng thú với kinh điển này.

Trở về Tịnh độ như thế nào? Đến sau cùng nhìn thấy những kinh luận này, tất cả đều đạo quy Cực Lạc\_Nhị thập ngũ viên thông trong Kinh Lăng Nghiêm. Điều này tôi phát hiện, vì trước đây rất ít người giảng. Đa phần khi người ta giảng nhị thập ngũ viên thông, Quán Thế Âm Bồ Tát Viên Thông Chương thứ nhất. Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông, phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo, điều này Thiên tông đã dẫn dụng. Tịnh độ tông không ai nhìn ra, tôi bị một vị hòa thượng Nhật Bản hỏi nên phát hiện ra, nếu ông ta không hỏi, tôi cũng không nghĩ đến. Vì lúc đó tôi học Kinh Lăng Nghiêm với thầy Lý, tôi học Kinh Lăng Nghiêm là phúc giảng. Một tuần giảng một lần, thầy giảng thứ tư, tôi giảng thứ năm, chính là tôi phúc giảng. Ngày thứ ba tôi nghe, ngày thứ năm giảng, theo cách giảng của thầy giảng lại một lần. Thính chúng của tôi có sáu người, bảy người chúng tôi một tiểu ban. Mỗi tuần đều phúc giảng, một người giảng sáu người nghe. Tôi chuyên giảng bộ Kinh Lăng Nghiêm này từ đầu đến cuối nên thầy giảng một biến, tôi cũng giảng một biến.

Có một lần, có mấy học sinh của đại học Đài Loan, dẫn mấy người giáo thọ khách tọa người Nhật\_cũng là học Phật\_Họ đến phỏng vấn tôi, hỏi tôi học bộ kinh nào? Học Lăng Nghiêm. Ông tu pháp môn gì? Tôi tu Tịnh độ, niệm Phật. Họ rất ngạc nhiên vì mọi người đều biết, Kinh Lăng Nghiêm có quan hệ với Mật tông và Thiên tông. Cho rằng đây là kinh luận quan trọng của Thiên tông và Mật tông, không liên quan đến Tịnh độ, nên họ rất ngạc nhiên.

Kinh Lăng Nghiêm và Tịnh độ có quan hệ gì? Họ hỏi như vậy, khiến tôi có linh cảm. Trong nhị thập ngũ viên thông, không phải một pháp môn đặc biệt, mà là hai pháp môn đặc biệt. Pháp môn của Quán Âm Bồ Tát quá rõ ràng, người ta vừa xem đã hiểu. Đại Thế Chí Viên Thông Chương là pháp môn đặc biệt, nhưng không hiển lộ, đó là gì? Vị thứ sắp xếp. Quán Thế Âm Bồ Tát,

chiếu theo lý sắp xếp theo thuận tự thì ngài ở vị trí thứ hai. Ngài là lục căn, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, ngài là nhĩ căn, đáng lẽ sắp vào vị trí thứ hai. Sau lục căn là lục trần, sau lục trần là lục thức. Đây là thứ tự mười tám cái, Bồ Tát Quan Âm xếp hàng thứ hai, ở sau là thất đại: địa thủy hỏa phong không kiến thức là thất đại nên tổng cộng là 25 vị thứ. Quan Âm Bồ Tát từ vị thứ thứ hai, bây giờ lại để ở sau cùng, điều này vừa nhìn là hiểu rõ. Ngài ở hàng thứ hai, sao lại xếp ngài đến cuối cùng? Quá rõ ràng! Bồ Tát Đại Thế Chí cũng rất đặc biệt, không xếp theo thứ tự. Vốn Bồ Tát Đại Thế Chí xếp thứ 23, Bồ Tát Di Lặc 24, hai vị này đã hoán đổi một chút, chính là đổi cách một bức tường, điều này rất nhiều người không nhìn thấy. Đại Thế Chí 24, ngài vốn là 23 nhưng lại xếp ở 24. Bồ Tát Quan Âm vốn là thứ hai nhưng lại xếp ngài ở vị thứ 25. Như tiết mục hát sau cùng vậy, là tiết mục chất lượng nhất, tốt nhất, hay nhất, gọi là áp trục hí. Sau cùng áp trục là Đại Thế Chí, Quan Thế Âm.

Tôi đột nhiên nghĩ đến điều này để đối phó với người Nhật. Tôi nói sao không quan hệ? Đại Thế Chí niệm Phật viên thông chương là pháp môn đặc biệt, nó không bình thường, không sắp xếp theo thứ tự, tôi càng nói họ càng ngơ ngác. Tôi nói quý vị chỉ nhìn thấy Bồ Tát Quan Âm vì quá rõ ràng, thay đổi vị trí quý vị liền không nhìn thấy, có hai pháp môn đặc biệt. Vì sao có hai pháp môn đặc biệt? Vì sao Bồ Tát Đại Thế Chí không để ở sau cùng? Pháp môn của Đại Thế Chí, pháp môn niệm Phật này phổ biến pháp giới, biến pháp giới hư không giới đều là đệ nhất. Còn pháp môn của Bồ Tát Quan Thế Âm, chúng sanh trên địa cầu này là đệ nhất. Là diện tích nhỏ, trong diện tích nhỏ của chúng ta, Bồ Tát Quán Thế Âm là đệ nhất. Nói trên diện tích lớn, Bồ Tát Đại Thế Chí là đệ nhất, như vậy họ mới hiểu.

Thì ra Kinh Lăng Nghiêm và pháp môn niệm Phật, quan hệ mật thiết như vậy, tôi nói đúng vậy, không sai chút nào. Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, đặc biệt là Kinh Hoa Nghiêm, sau cùng Bồ Tát Phổ Hiền thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc. Tôi tin Tịnh độ từ chỗ này, người nào khuyên cũng không được, thầy Lý khuyên tôi rất nhiều lần. Tôi không phản đối Tịnh độ, tôi tôn trọng Tịnh độ nhưng tôi không chịu học Tịnh độ. Tôi vẫn thích Hoa Nghiêm, thích Lăng Nghiêm, những kinh này phân lượng đều rất lớn, phân lượng lớn hơn Kinh Vô Lượng Thọ nhiều, trong đó thú vị vô cùng.

Kinh Lăng Nghiêm thuần túy giảng về trí tuệ, Hoa Nghiêm là tổng cương lĩnh của tất cả kinh điển, mà Đức Thế Tôn giảng trong suốt 49 năm. Thế nên ông Phương Đông Mỹ giới thiệu Kinh Hoa Nghiêm cho tôi, đây là triết học khái luận trong kinh Phật. Ông đã giới thiệu cho tôi như vậy\_Phật kinh triết

học khái luận, thật sự là pháp khó tin. Tôi từ Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đạo quy Cực Lạc, các bộ kinh này dẫn dắt. Không có những bộ kinh luận này dẫn dắt, tín tâm của tôi không sanh khởi được, thật sự gọi là khó tin nhưng khi tôi tin, so với lòng tin của những người khác, không biết mạnh hơn gấp mấy lần. Vì tôi hiểu, nhiều người không hiểu, tôi hiểu nó thấu triệt rất ráo tôi mới tin.

Kinh Vô Lượng Thọ, bản này tôi đã giảng mười lần, lần này là lần thứ 11. Tôi đặc biệt chọn chú giải của Hoàng Niệm Tổ, cũng là cảm niệm lúc tuổi già chúng tôi mới gặp nhau, mới trở thành tri kỷ. Lúc đó hoằng dương bản này chỉ có hai chúng tôi, ông ta hoằng dương trong nước, tôi hoằng dương ở nước ngoài. Trong nước chỉ một mình ông, nước ngoài cũng chỉ có mình tôi. Hai chúng tôi có duyên gặp nhau, thật không thể nghĩ bàn, nhân duyên này có liên quan đến thầy Lý. Trước đây thầy Lý có nhắc đến tên Hoàng Niệm Tổ, có nhắc đến, tôi có nghe và có ấn tượng, ấn tượng không sâu chỉ mơ hồ. Tôi tưởng rằng thầy nhắc đến, nhất định là tuổi tác khoảng như thầy, không ngờ Hoàng Niệm Tổ nhỏ hơn thầy rất nhiều, lớn hơn tôi một chút, lớn hơn không bao nhiêu.

Thầy Lý lớn hơn tôi 39 tuổi, Hoàng Niệm Tổ lớn hơn tôi khoảng mười mấy tuổi, tôi tưởng rằng ông đã là cổ nhân, đã không còn. Không ngờ ở Mỹ nghe được có một người như vậy, là đồng tu của Tịnh độ chúng ta. Họ mời một vị thượng sư của Mật Tông của Trung quốc\_Thầy của tôi Chương Gia đại sư là thượng sư của Mật tông. Tôi nói quý vị cũng mời một vị thượng sư Mật tông, hiện nay chúng ta đang niệm Phật, không cần thiết. Tôi liền hỏi mấy câu, thượng sư là ai? Họ nói Hoàng Niệm Tổ, tên này rất quen thuộc, có ấn tượng. Nghĩ thật lâu tôi cũng nhớ lại, tôi liền hỏi họ, phải chăng là cháu ngoại của Mai Quang Hy? Họ nói phải. Tôi nói, như vậy thì mời ông ta đến.

Mai Quang Hy là thầy của cư sĩ Lý Bình Nam, chúng tôi xưng là Tổ sư, thầy và chúng tôi là người một nhà, nên chúng tôi rất muốn gặp mặt. Tôi biết ông ta là cháu ngoại của Mai Quang Hy, là học trò của Hạ Liên Cư, như vậy có quan hệ rất lớn với Kinh Vô Lượng Thọ này, nhất định ông học bộ kinh này. Thế nên tôi nói với ông, có thể mời ông đến Mỹ, mời đến, quả nhiên là ông ta, không sai. Do nhân duyên như vậy mà chúng tôi gặp nhau, khi gặp thật gọi là vừa gặp như đã quen từ lâu. Khi gặp là gọi điện thoại, ông ta đem bộ chú giải in dấu này, chữ không mười phần rõ ràng nhưng có thể xem được\_Đem đến Mỹ bộ này và tặng cho tôi, chúng tôi đem về Đài Loan in một vạn bộ. Ông cũng trở về Đài Loan liền sau đó, ông chỉ lưu lại ở mỹ một tháng,

Visa chỉ có một tháng. Tôi đến Bắc Kinh thăm ông, quả thật rất hoan hỷ! Tôi muốn đi thăm ông, không ngờ ông đến thăm tôi trước, ông biết tôi đến Bắc Kinh đang ở khách sạn, nên đến khách sạn thăm tôi.

Điều này trên mặt lễ tiết thì không tầm thường, người xưa nói khách chào chủ nhân, chủ nhân chào lại. Chúng tôi đến Bắc Kinh làm khách, chủ nhân đến thăm tôi trước, sau đó mời tôi đến nhà ông ăn cơm. Tấm ảnh đó hiện nay treo ở trên tường, trong phòng nhiếp ảnh, quý vị sẽ nhìn thấy. Đó chính là lần gặp mặt đầu tiên, ở Bắc Kinh, với tất cả người nhà ông, còn có Hạ Pháp Thánh là cháu của Hạ Liên Cư, một nhà đại đoàn viên.

Biết được ông viết bộ kinh này rất gian nan vất vả, chúng tôi đại biểu chúng sanh 9000 năm trong thời mạt pháp, tương lai đều nhờ bộ kinh này mà được lợi ích. Đặc biệt đem bộ chú giải này giảng một lần, chúng ta cùng nhau chia sẻ, cũng là báo đáp ân tri ngộ với cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Khó tin nhưng có thể tin, điều này rất đáng quý, nếu tín tâm không sanh, tâm bồ đề không phát khởi được, cũng đích thực không dễ.

Như trong Kinh A Di Đà Kinh nói, mười phương Chư Phật xưng tán Đức Thế Tôn là đời ngũ trược, là ngũ trược ác thế. Vì tất cả chúng sanh mà nói tất cả pháp khó tin trong thế gian. Đây là Chư Phật Như Lai tán thán Đức Phật Thích Ca, Đức Thế Tôn có thể ở trong thời đại này, tuyên nói pháp môn Tịnh độ cho tất cả đại chúng. Ba bộ kinh như Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà không hỏi tự nói, kinh này là ngài A Nan khởi thỉnh. Kinh Quán Vô Lượng Thọ là nhân duyên của bà Vi Đề Hy, quả thật không đơn giản!

Trong tiêu bản Kinh Di Đà Đức Phật nói, mười phương chư Phật tán thán Đức Bổn Sư Thích Ca, trong đời ngũ trược ác thế. Là nói Đức Thế Tôn sinh ra trong thời đại này, nên Đức Thế Tôn vì chúng ta thị hiện nhiều loại khổ hạnh, làm cho người đời sau chúng ta noi theo. Phải chịu khổ, vì sao? Chúng sanh nghiệp chướng quá nặng, chịu khổ là sao? Chịu khổ thay chúng sanh, ý nghĩa này quá sâu sắc, mấy người biết? Đức Thế Tôn chịu khổ là vì chúng sanh trên địa cầu, chúng sanh tạo nghiệp cực ác, tiêu tôi nghiệp thay cho những chúng sanh tạo nghiệp chướng này. Không biết ân thì không có tâm báo ân, quý vị thật sự biết thì tâm báo ân, tâm cảm ân liền sanh khởi. Làm sao để báo ân, cảm ân? Y giáo phụng hành. Không những chính mình phải làm mà còn phải đem pháp lớn này truyền mãi về sau, hoằng dương từ đời này qua đời khác, đây mới thật sự báo ân.

Thế nên bộ kinh này, cư sĩ Hạ Liên Cư chỉnh lý lại, đó là hạng người nào? Không phải người phổ thông. Chúng ta xem ở trước, cư sĩ Vương Long Thư chỉnh lý lần đầu, vào thời nhà Tống. Cư sĩ Vương Long Thư đứng vậy vắng sanh, Vương Long Thư là đồng hương của tôi, ông người Thư Thành, cách Lư Giang khoảng 50 dặm, tức là khoảng hai mươi mấy cây số. Ông Phương Đông Mỹ là người Đồng Thành, ba thành nhỏ của chúng tôi là một hình tam giác, cách khoảng 50 dặm, là cao đức của Tịnh tông!

Bản hội tập của cư sĩ Long Thư gọi là Đại A Di Đà Kinh, được thu thập trong Long Tạng. Trong Càn Long đại tạng kinh có, giữ trong Long Tạng. Bản hội tập của Hạ Liên Cư, sau khi hội tập xong thời gian là ba năm, thời gian mười năm dùng để chỉnh sửa hiệu đính. Chỉnh sửa mười lần, được xưng là bản viên mãn nhất, tâm huyết một đời đều trong bộ sách này. Đích thực đã làm thành công việc đại sự độ hóa chúng sanh trong thời mạt thế của Đức Thế Tôn, thật sự là vô lượng vô biên công đức. Vì muốn độ chúng sanh 9000 năm trong thời mạt pháp, chỉ có bộ kinh này, các kinh luận khác không làm được, quý vị nói, bộ kinh này khó được biết bao, quá hy hữu!

Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng không phải người phổ thông, sao có thể làm ra bộ chú giải hay như thế? Trích dẫn kinh điển lại có thể sưu tập hơn 190 loại, chúng ta đều không tưởng tượng được. Tôi đến nhà ông thăm, những sách tham khảo này đều sắp gần cây cột bên cạnh, ông cũng không có giá sách, để rất lộn xộn, làm sao tìm được? Cảm ứng. Oai thần của Phật Bồ Tát, liền có người đưa cho ông, thật là tâm tưởng sự thành, nghĩ đến cổ nhân có sách gì nó liền đến. Không phải chư Phật Bồ Tát gia trì, chú giải này không viết được. không phải long thiên thiện thần gia hộ, đến đâu để tìm những tài liệu tham khảo này?

Chúng ta muốn báo ân Phật, báo ân tổ tông, báo ân quốc gia, báo ân dân tộc, báo ân tất cả chúng sanh thì phải nỗ lực học tập, y giáo phụng hành còn phải đem nó phát dương quang đại. Thế nên lần này Nhật Bản mời tôi đến giảng kinh, tôi đã nhận lời mời, tháng sáu đi giảng. Vẫn là giảng bộ kinh này, một ngày bốn tiếng. Tôi hy vọng ở Nhật giảng 100 tiếng, giảng xong tôi trở lại. Bộ kinh này chia 100 tiếng đồng hồ công đức cho Nhật Bản.

Bây giờ thời gian đã hết, hôm nay chúng ta chỉ học đến đây.

**Hết tập 397**